

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí năm 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện (cũ) chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 của ngân sách huyện (cũ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 14177/TTr-STC ngày 25 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí năm 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện (cũ) chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng dự toán kinh phí: 3.282.361.000 đồng (ba tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn đồng); trong đó:

a) Bổ sung dự toán kinh phí cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: 1.006.755.000 đồng (một tỷ, sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

b) Bổ sung dự toán kinh phí cho các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý: 2.275.606.000 đồng (hai tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng).

2. Nguồn kinh phí:

a) Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 (kinh phí tuyển dụng giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; một số chế độ, chính sách giáo dục và nhiệm vụ phát sinh khác): 1.006.755.000 đồng (một tỷ, sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

b) Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 (sự nghiệp kinh tế khác): 2.275.606.000 đồng (hai tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính và đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định). Dự toán được giao tại Quyết định này chỉ phê duyệt tổng dự toán bổ sung nguồn lực từ ngân sách tỉnh giao các đơn vị thực hiện nhiệm vụ; UBND tỉnh không phê duyệt số lượng, đối tượng, chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, thông số, hạng mục chi cụ thể; các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán được giao và tuân thủ đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức và các quy định pháp luật liên quan theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm định kỳ tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung UBND tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán các khoản HĐND tỉnh chưa phân bổ chi tiết, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt

tại Quyết định này tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

4. Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp có trách nhiệm quản lý, phân bổ, sử dụng kinh phí được giao theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phân bổ, sử dụng, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí; đồng thời, thực hiện đúng các trình tự, thủ tục mua sắm, lựa chọn nhà thầu (nếu có) và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình. Trường hợp không sử dụng hết hoặc có khoản chi không đúng quy định, đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định; báo cáo UBND tỉnh nếu có vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp với quy định pháp luật.

5. Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự toán được giao của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục số 01:

**DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2025 BỔ SUNG CHO CÁC TRUNG TÂM
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (GDNN-GDTX)
DO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí bổ sung	Ghi chú
	Tổng cộng (làm tròn)	1.006.755	
1	Trung tâm GDNN-GDTX Nghi Sơn	71.688	
2	Trung tâm GDNN-GDTX Hà Trung	63.624	
3	Trường Trung cấp nghề Nga Sơn	14.980	
4	Trung tâm GDNN-GDTX Hoằng Hóa	25.287	
5	Trung tâm GDNN-GDTX Thọ Xuân	161.173	
6	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Định	39.933	
7	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Lộc	121.954	
8	Trung tâm GDNN-GDTX Bá Thước	42.484	
9	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Hóa	5.525	
10	Trung tâm GDNN-GDTX Mường Lát	74.007	
11	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Lặc	386.100	

Phụ lục số 02:
DỰ TOÁN KINH PHÍ BỔ SUNG NĂM 2025 CHO CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ
NÔNG NGHIỆP DO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí bổ sung	Ghi chú
	Tổng cộng	2.275.606	
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Sầm Sơn	17.100	
2	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Bim Sơn	76.957	
3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Nghi Sơn	11.004	
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Hà Trung	142.550	
5	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Nga Sơn	326.000	
6	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Hậu Lộc	30.000	
7	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Hoằng Hóa	16.000	
8	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Quảng Xương	368.046	
9	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Nông Cống	137.376	
10	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Triệu Sơn	211.204	
11	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Thọ Xuân	150.750	
12	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Yên Định	359.000	
13	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Cẩm Thủy	38.419	
14	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Ngọc Lặc	8.000	
15	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Như Thanh	95.200	
16	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Thường Xuân	65.000	
17	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Quan Sơn	223.000	